

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Ngày 30/06/2025	14,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.3%	-2.6%	-

DT thuần Q2/25
884
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 207 30.6%
YoY: ▲ 401 83.0%

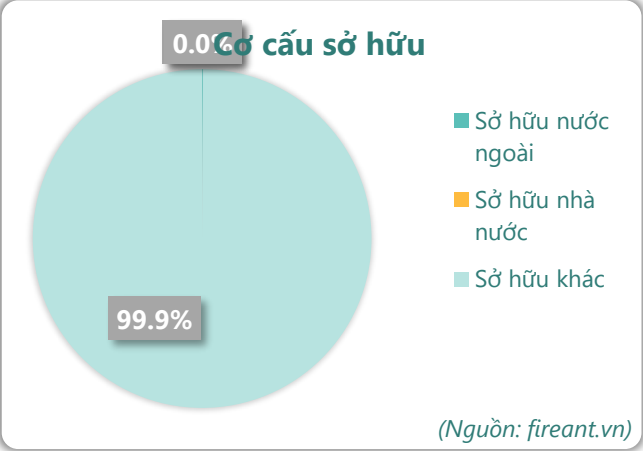
LN thuần Q2/25
35.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.4 137%
YoY: ▲ 90.5 164%

LN sau thuế Q2/25
30.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.3 154%
YoY: ▲ 101 142%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
4.3%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM) Q2/25

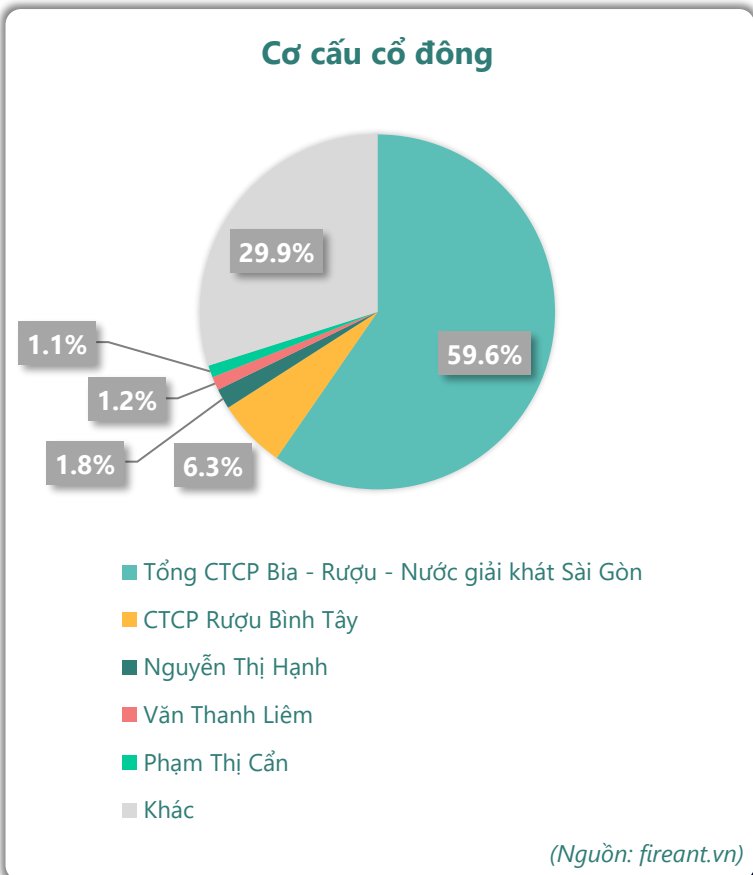
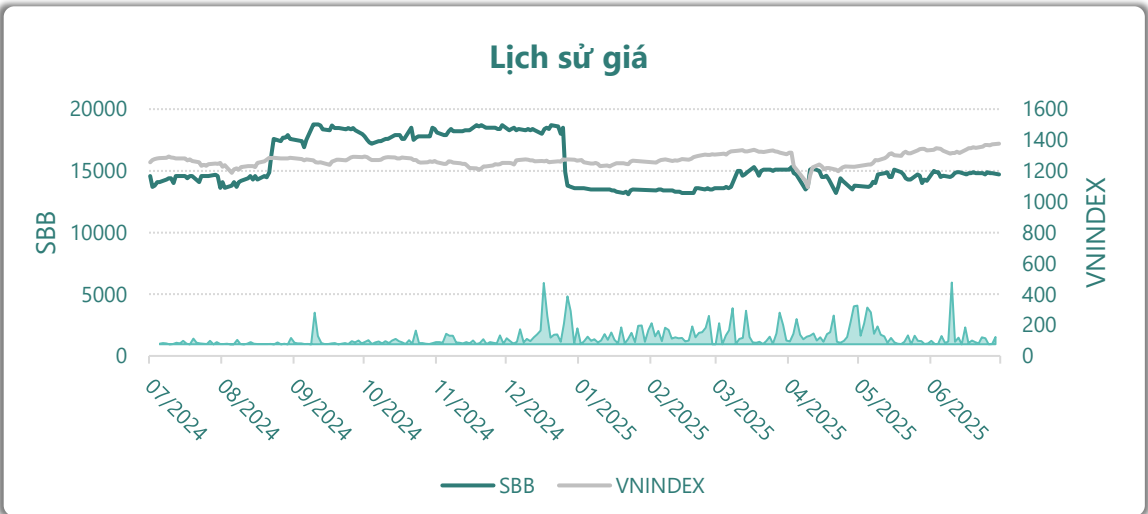
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,100 - 18,761
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,287
Số lượng CPLH (CP)	87,524,536
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,110
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.84
EPS	
P/E	



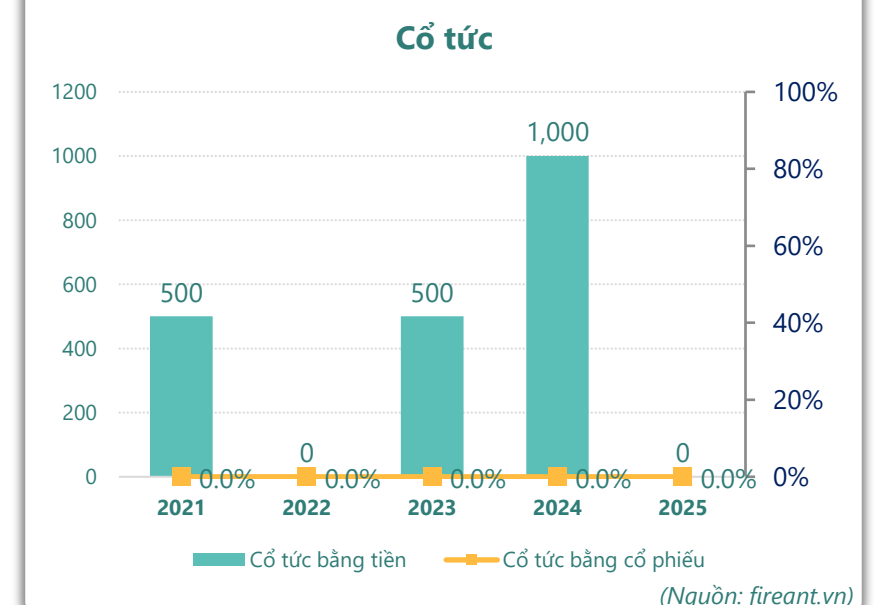
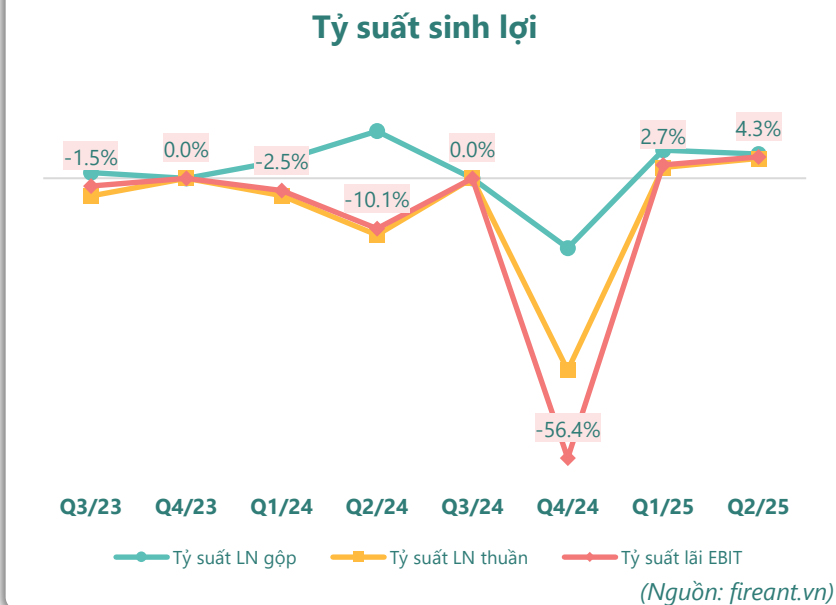
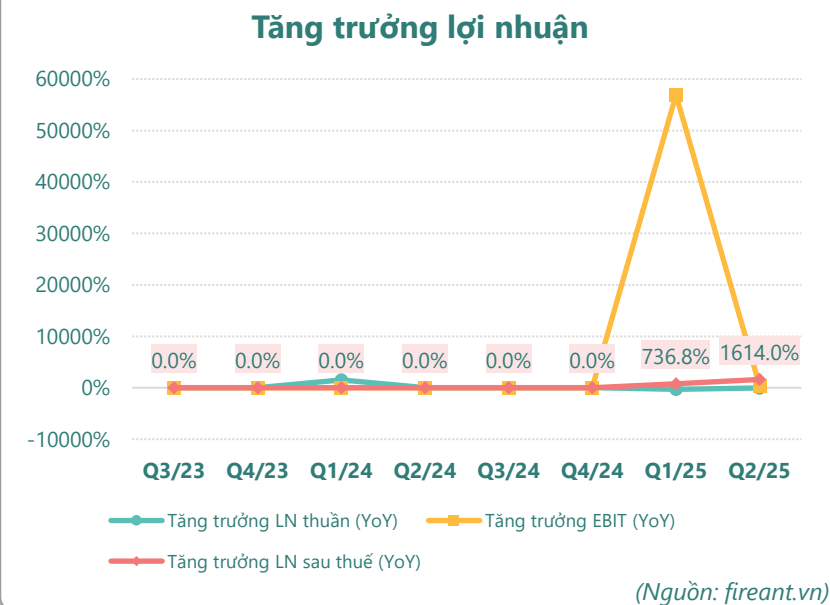
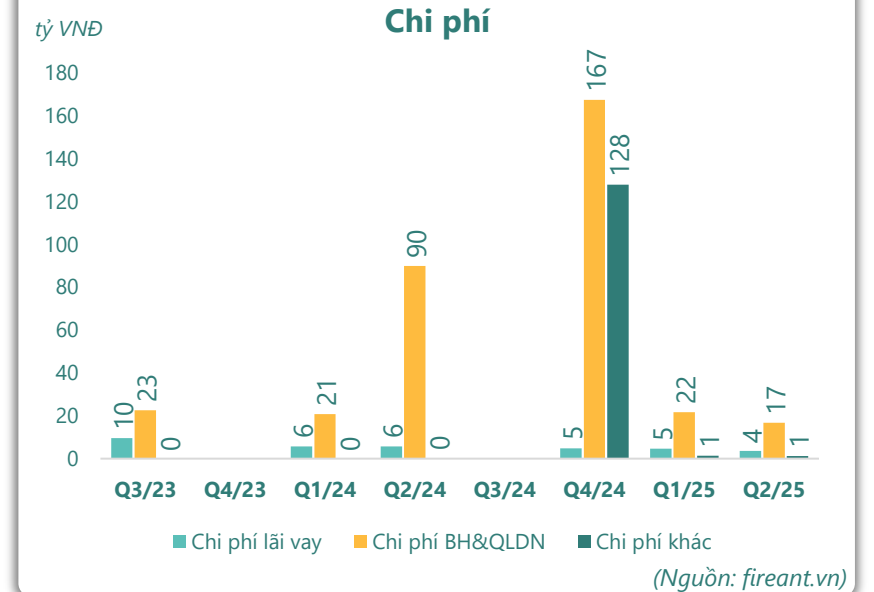
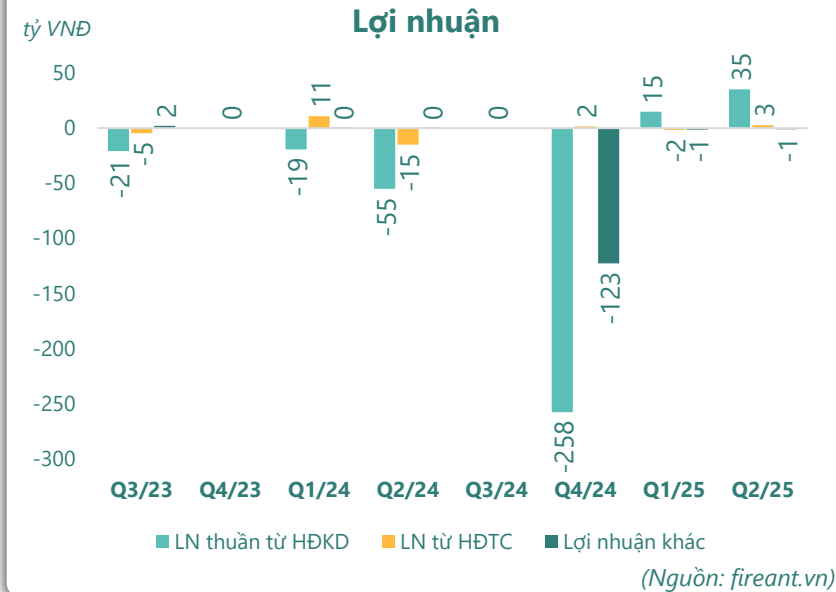
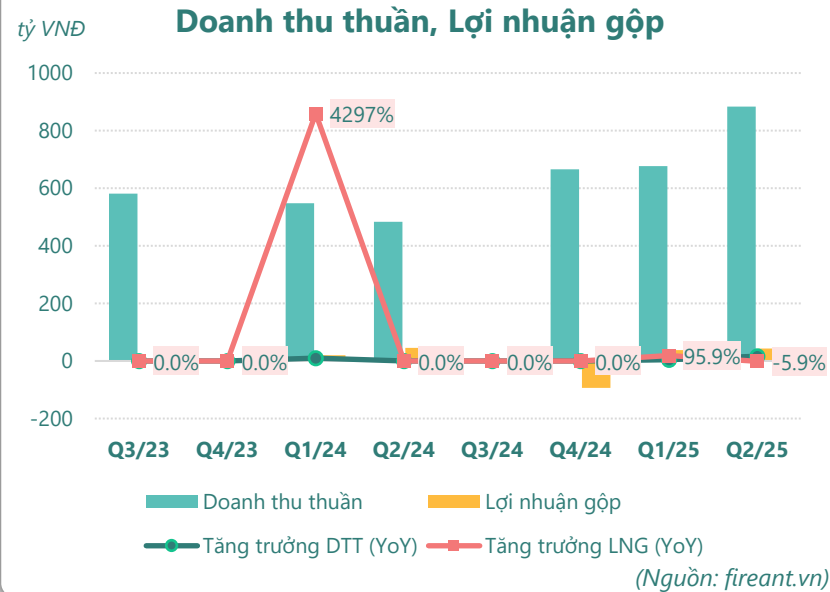
DT thuần 6T 2025
1,561
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 531 51.5%

LN thuần 6T 2025
50.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 125 167%

LN sau thuế 6T 2025
42.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 130 148%



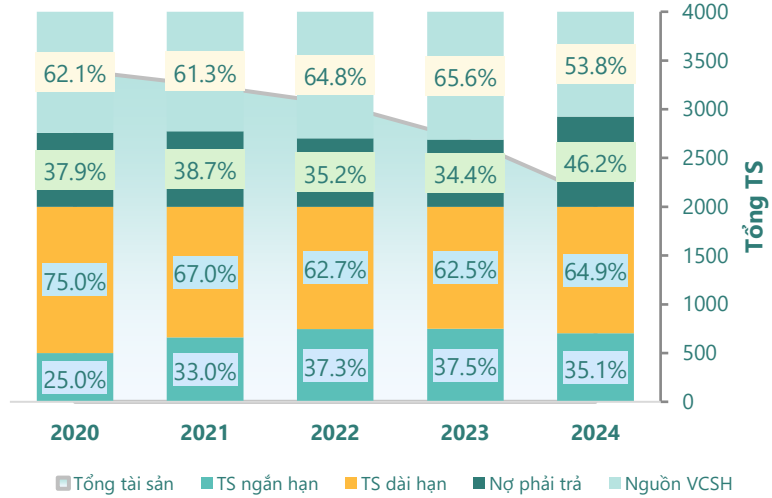
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

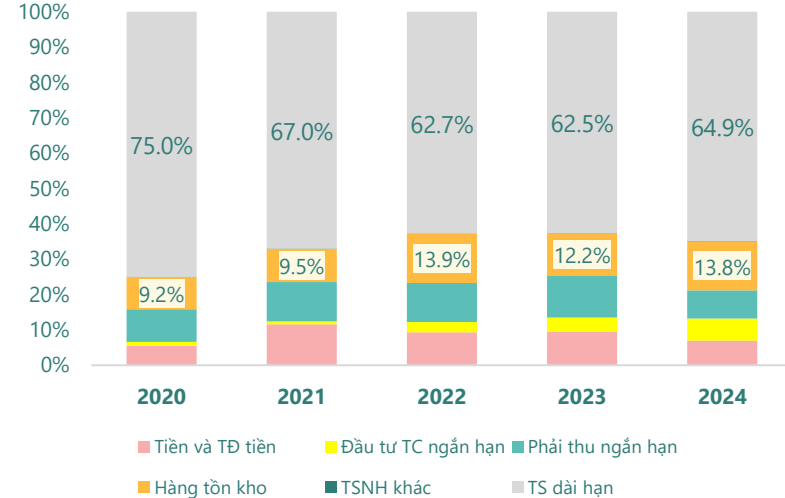
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

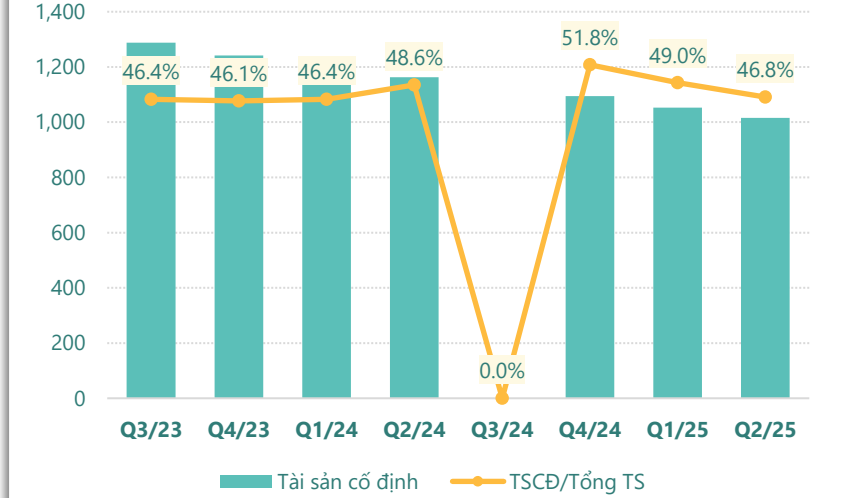
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

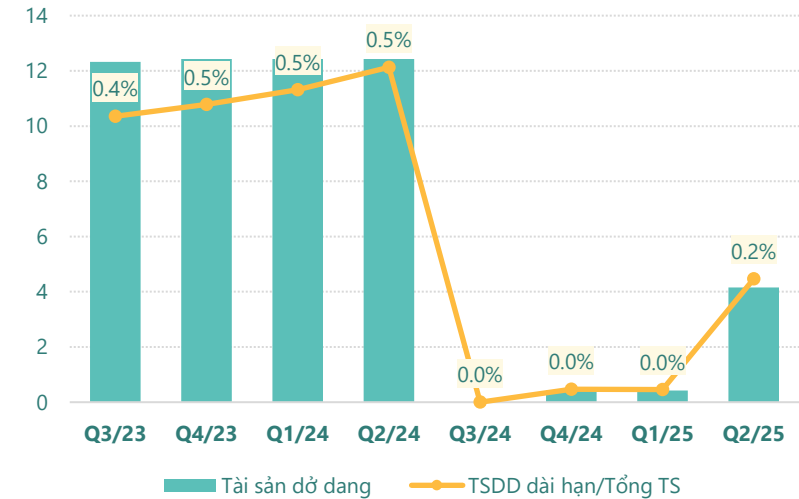
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

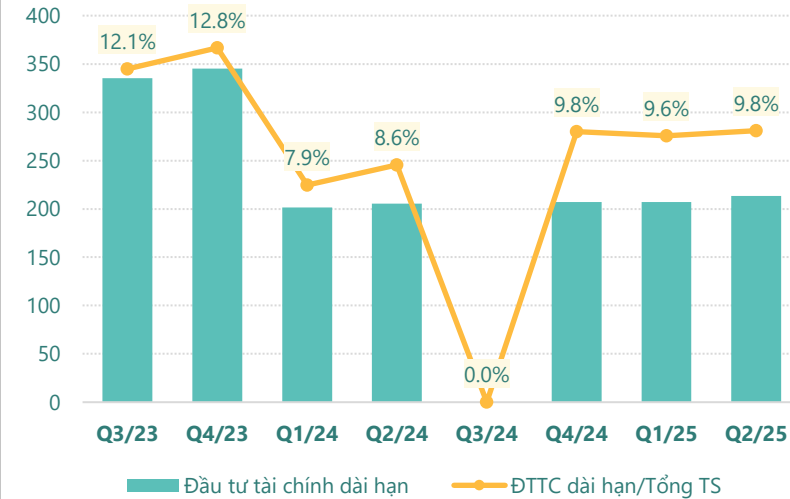
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

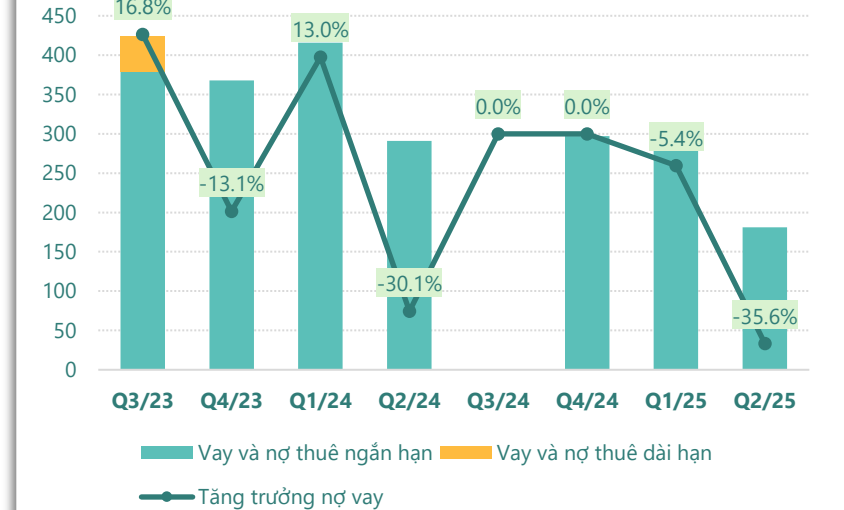
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

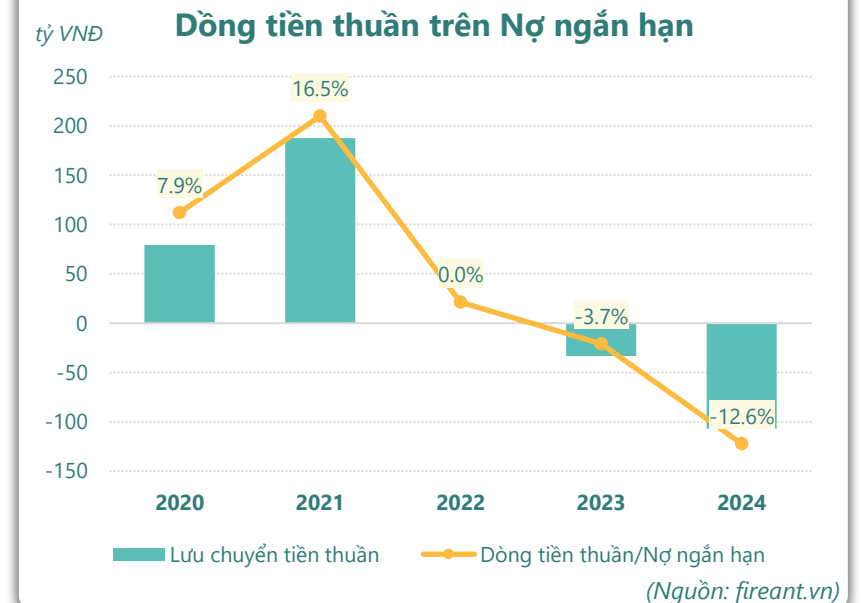
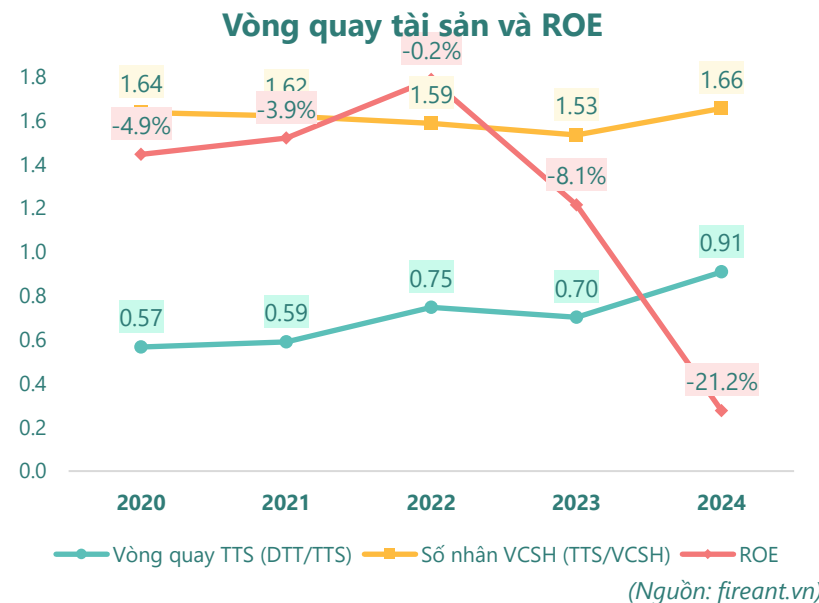
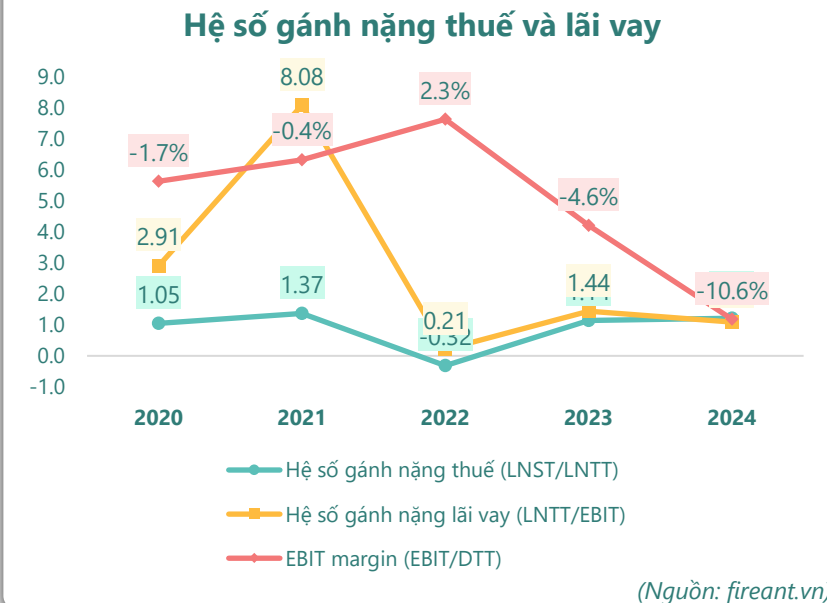
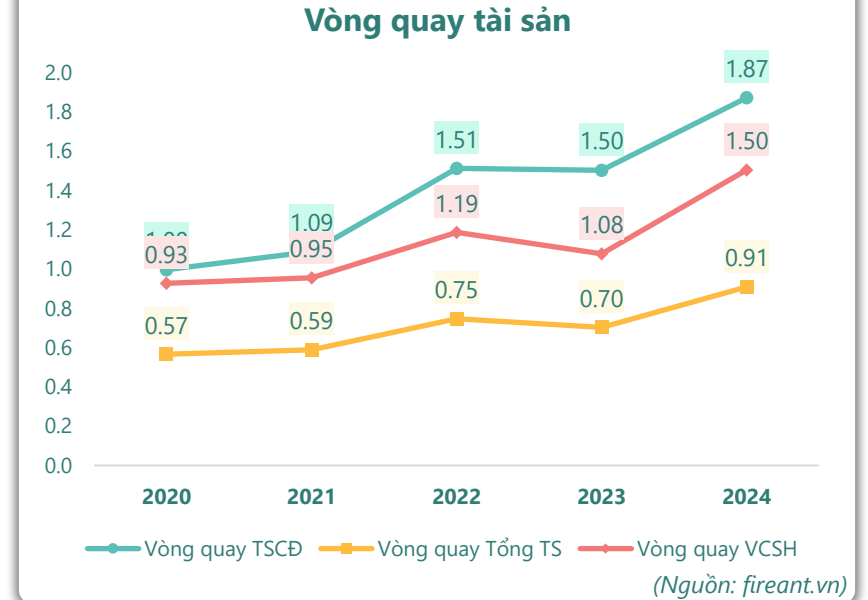
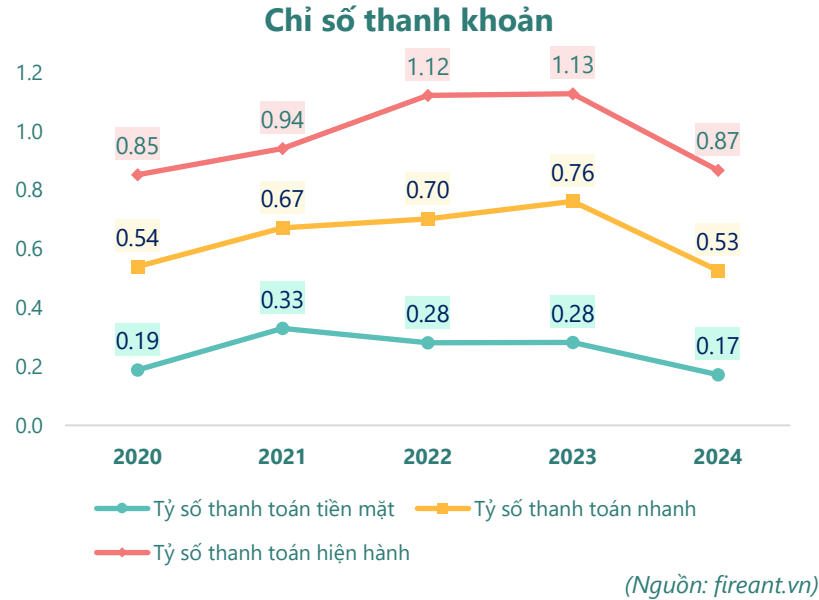
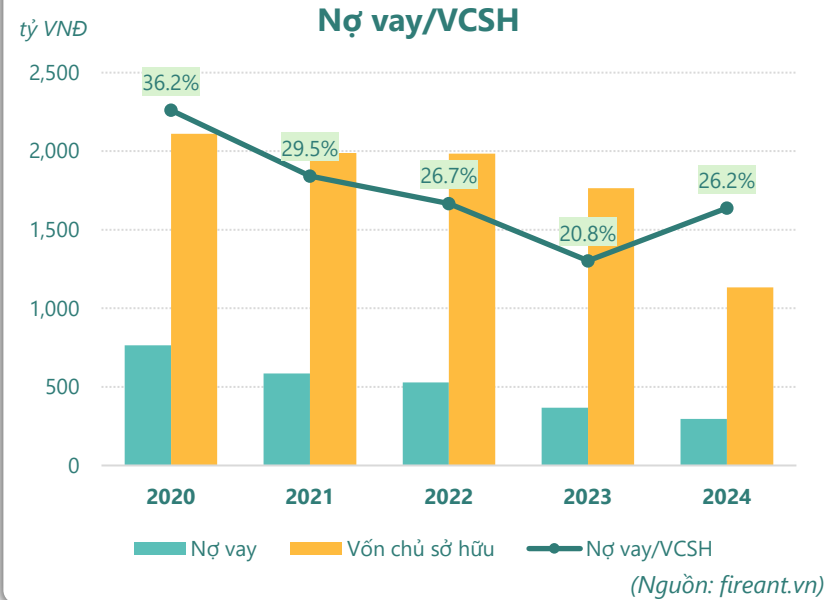
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	884	483	83.0%	1,561	1,030	51.5%
Giá vốn hàng bán	841	437	92.4%	1,480	965	53.3%
Lợi nhuận gộp	43.1	45.9	-6.0%	81.3	65.3	24.4%
Doanh thu HĐTC	6.32	4.08	55.0%	9.47	7.42	27.6%
Chi phí TC	3.68	19.0	-80.6%	8.38	11.5	-27.1%
Chi phí lãi vay	3.68	5.72	-35.7%	8.37	11.4	-26.8%
LN trong công ty LKLD	6.33	3.89	62.6%	6.33	-25.0	125%
Chi phí bán hàng	3.81	7.79	-51.1%	11.2	16.4	-31.9%
Chi phí QLDN	13.0	82.2	-84.2%	27.3	94.4	-71.1%
LN thuần từ HĐKD	35.3	-55.2	164%	50.2	-74.5	167%
Lợi nhuận khác	-0.94	0.44	-313%	-2.40	0.48	-600%
LN trước thuế	34.4	-54.7	163%	47.8	-74.0	165%
Lợi nhuận sau thuế	30.2	-71.2	142%	42.1	-88.0	148%
LNST của CĐ cty mẹ	30.2	-71.2	142%	42.1	-88.0	148%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.8	-21.7	0	0	33.1	235
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	86.6	13.9	0	0	47.0	19.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.1	-103	0	0	-16.1	-99.9
Tiền đầu kỳ	252	308	0	0	147	211
Lưu chuyển tiền thuần	55.7	-111	0	0	64.1	154
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	308	197	0	0	211	365

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,172	2,107	3.1%
Tài sản ngắn hạn	891	739	20.5%
Tiền và tương đương tiền	365	147	149%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	132	-54.7%
Phải thu ngắn hạn	274	168	63.8%
Hàng tồn kho	188	291	-35.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.62	1.81	100%
Tài sản dài hạn	1,281	1,368	-6.4%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	1,016	1,087	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.16	0.42	879%
Đầu tư tài chính dài hạn	214	207	3.1%
Tài sản dài hạn khác	47.5	72.9	-34.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,001	974	2.8%
Nợ ngắn hạn	879	851	3.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	297	-39.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	229	81.9	180%
Nợ dài hạn	122	122	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,171	1,134	3.3%
Vốn chủ sở hữu	1,171	1,134	3.3%
Vốn điều lệ	875	875	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

